TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 4 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 4
PHIẾU SỐ 35

Thời gian làm bài: 40 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Số 90 860 327 đọc là:

A. chín mươi triệu tám trăm sáu mươi nghìn ba trăm hai mươi tám

B. chín mươi triệu tám trăm sáu mươi nghìn ba trăm ba mươi bảy

C. chín mươi triệu chín trăm sáu mươi nghìn ba trăm hai mươi bảy

D. chín mươi triệu tám trăm sáu mươi nghìn ba trăm hai mươi bảy

Câu 2. Dãy số 25, 31, 37, ……, 247 có bao nhiêu số?

A. 37 **B.** 38 **C.** 40 **D.** 39

Câu 3. Một hội trường có 7 hàng ghế, mỗi hàng 27 ghế, người ta kê thêm 49 ghế nhựa. Có 173 người đến họp, mỗi người ngồi một ghế. Số ghế còn trống là:

A. 238 **B.** 114 **C.** 16 **D.** 65

Câu 4. Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 2854 + 615 = 615 + …….

A. 2239 **B.** 3469 **C.** 615 **D.** 2854

Câu 5. Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước vào năm 1975. Tính đến năm 2026 đã được bao nhiêu năm?

A. 151 **B.** 41 **C.** 51 **D.** 52

Câu 6. Hình chữ nhật có bao nhiêu cặp cạnh song song?

A. 4 **B.** 2 **C.** 1 **D.** 3

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Cho các số: 564 396, 563 369, 563 396, 566 393, 563 693.

a) Sắp xếp các số theo thứ tự từ lớn đến bé: …….

b) Hiệu của số lớn nhất và số bé nhất: …….

Bài 2. Cho dãy số: 6, 12, 18, 24, ……, 204. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Dãy có ……. số

b) Số thứ 12 của dãy là: …….

Bài 3. Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 502 559 + 150 314 = …….

b) 647 144 − 366 243 = …….

c) 11 863 × 3 = …….

d) 17 220 : 5 = …….

Bài 4. Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

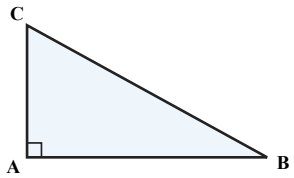
a) 7 tấn 5 kg ……. 750 kg

b) 6 m^2 50 dm^2 ……. 650 dm^2

c) 5 thế kỉ ……. 500 năm

d) 971 992 ……. 972 992

Bài 5. Quan sát hình bên (góc vuông đã được đánh dấu) rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:



a) Số góc vuông: …….

b) Số góc nhọn: …….

c) Số góc tù: …….

Bài 6. Hiện nay tổng số tuổi của mẹ và Thảo là 39 tuổi, mẹ hơn Thảo 27 tuổi. Hỏi hiện nay mẹ bao nhiêu tuổi, Thảo bao nhiêu tuổi?

a) Tuổi mẹ: ……. tuổi

b) Tuổi Thảo: ……. tuổi

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 4 · Phiếu số 35

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	D	B	D	D	C	B

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) 566 393, 564 396, 563 693, 563 396, 563 369

b) 566 393 − 563 369 = 3024

Bài 2.

a) (204 − 6) : 6 + 1 = 34 (số)

b) 6 + (12 − 1) × 6 = 72

Bài 3.

a) 502 559 + 150 314 = 652 873

b) 647 144 − 366 243 = 280 901

c) 11 863 × 3 = 35 589

d) 17 220 : 5 = 3444

Bài 4.

a) 7005 > 750

b) 650 = 650

c) 500 = 500

d) 971 992 < 972 992

Bài 5.

Dùng ê ke kiểm tra các góc ở đỉnh của tam giác vuông ABC: 1 góc vuông, 2 góc nhọn, 0 góc tù.

Bài 6.

Tuổi Thảo: (39 − 27) : 2 = 6 (tuổi)

Tuổi mẹ: 6 + 27 = 33 (tuổi)